

Số: /BC-UBND

TP. Thanh Hóa, ngày tháng 7 năm 2022

## **BÁO CÁO**

### **Quyết toán ngân sách nhà nước năm 2021**

*(Trình kỳ họp thứ 6 Hội đồng nhân dân thành phố khóa XXII)*

Căn cứ Quyết định số 5399/QĐ-UBND ngày 19/12/2020 của UBND tỉnh Thanh Hoá về việc giao dự toán thu NSNN, chi ngân sách địa phương và phương án phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2021 của tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ các Nghị quyết của HĐND thành phố Thanh Hoá khoá XXI, kỳ họp thứ 16: số 232/NQ-HĐND ngày 23/12/2020 về việc phê chuẩn dự toán thu NSNN; thu, chi ngân sách địa phương năm 2021; số 233/NQ-HĐND ngày 23/12/2020 về việc phê chuẩn phương án phân bổ ngân sách cấp thành phố năm 2021.

UBND thành phố Thanh Hoá báo cáo kết quả thực hiện dự toán NSNN năm 2021 đã được Sở Tài chính thẩm định quyết toán, với kết quả cụ thể như sau:

**I. Tổng thu NSNN trên địa bàn: 4.085.085.843.068 đồng.**

Đạt 141,3% dự toán tỉnh giao; 134,8% dự toán thành phố giao.

*Trong đó:*

**1. Phân theo các cấp ngân sách:**

- Ngân sách Trung ương: 50.136.243.162 đồng.
- Ngân sách tỉnh: 879.701.883.854 đồng.
- Ngân sách thành phố: 2.444.780.109.604 đồng.
- Ngân sách phường, xã: 710.467.606.448 đồng.

**2. Phân theo nội dung thu:**

- Thu NSNN theo các chỉ tiêu giao thu: 2.823.149.247.167 đồng.
- Đạt 109,1% dự toán tỉnh giao, 103,5% dự toán thành phố giao.

- Thu bổ sung cân đối từ NS cấp trên: 734.239.717.215 đồng.
- Các khoản thu không giao dự toán: 527.696.878.686 đồng

*(Chi tiết theo Phụ lục I và Biên bản thẩm định của Sở Tài chính kèm theo)*

**II. Thu, chi ngân sách địa phương:**

**1. Thu ngân sách địa phương: 3.155.247.716.052 đồng.**

Đạt 213,6% dự toán tỉnh giao; 131,3% dự toán thành phố giao.

*Bao gồm:*

- Thu NSĐP được hưởng theo phân cấp: 2.090.754.639.761 đồng.
- Thu kết dư ngân sách: 896.340.565 đồng.
- Thu chuyên nguồn năm trước sang: 327.430.695.465 đồng.
- Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 734.239.717.215 đồng.
- Thu từ ngân sách cấp dưới hoàn trả: 1.926.323.046 đồng.

*(Chi tiết theo Phụ lục I và Biên bản thẩm định của Sở Tài chính kèm theo)*

**2. Chi ngân sách địa phương: 3.155.244.856.255 đồng.**

Đạt 213,6% dự toán tỉnh giao, 126,4% dự toán thành phố giao.

*Bao gồm:*

- Chi đầu tư: 1.050.692.975.396 đồng.
- Chi thường xuyên: 1.089.851.951.875 đồng.
- Chi bổ sung ngân sách cấp dưới: 382.755.716.215 đồng.
- Chi chuyển nguồn: 613.488.209.233 đồng.
- Chi hoàn trả ngân sách cấp trên: 18.456.003.546 đồng.

*(Chi tiết theo Phụ lục II và Biên bản thẩm định của Sở Tài chính kèm theo)*

**3. Kết dư ngân sách địa phương: 2.859.797 đồng.**

*Bao gồm:*

- Kết dư ngân sách thành phố: 182.400 đồng.
- Kết dư ngân sách phường, xã: 2.677.397 đồng.

**III. Thu, chi ngân sách thành phố:**

**1. Thu ngân sách thành phố: 2.444.780.109.604 đồng.**

Đạt 105,1% dự toán thành phố giao.

*Bao gồm:*

- Thu NSTP được hưởng theo phân cấp: 1.833.532.509.744 đồng.
- Thu kết dư ngân sách: 895.076.313 đồng.
- Thu chuyên nguồn năm trước sang: 256.952.199.501 đồng.
- Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 351.474.001.000 đồng.
- Thu từ ngân sách cấp dưới hoàn trả: 1.926.323.046 đồng.

*(Chi tiết theo Phụ lục I và Biên bản thẩm định của Sở Tài chính kèm theo)*

**2. Chi ngân sách thành phố: 2.444.779.927.204 đồng.**

Đạt 105,1% dự toán thành phố giao.

*Bao gồm:*

- Chi đầu tư: 672.305.280.542 đồng.
- Chi thường xuyên: 897.529.051.727 đồng.
- Chi bổ sung ngân sách cấp dưới: 382.755.716.215 đồng.
- Chi chuyển nguồn: 475.660.198.220 đồng.
- Chi hoàn trả ngân sách cấp trên: 16.529.680.500 đồng.

*(Chi tiết theo Phụ lục II và Biên bản thẩm định của Sở Tài chính kèm theo)*

**3. Kết dư ngân sách thành phố: 182.400 đồng.**

## **V. Đánh giá chung**

### **1. Kết quả đạt được**

#### *1.1 Về thu ngân sách*

Thực hiện dự toán năm 2021, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Thành uỷ, HĐND và UBND thành phố cùng với sự tham gia của các đoàn thể và các ngành chức năng từ thành phố đến phường, xã đã tập trung cho công tác thu NSNN nên kết quả tổng thu NSNN năm 2021 đã vượt dự toán HĐND thành phố giao (*Thu NSNN theo các chỉ tiêu giao thu đạt 2.823.149 triệu đồng, đạt 103,5% dự toán HĐND thành phố giao*).

Thực hiện thu có 8/12 chỉ tiêu thu hoàn thành và hoàn thành vượt mức dự toán năm, trong đó có một số chỉ tiêu tăng cao như: Thuế công thương nghiệp ngoài quốc doanh đạt 112%; Thuế thu nhập cá nhân đạt 133%; Lệ phí trước bạ đạt 114,9%; Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đạt 116,2%.

#### *1.2 Về chi ngân sách*

Chi đầu tư ngân sách thành phố trong năm đã giành nguồn tập trung cho việc trả nợ tồn đọng các công trình xây dựng cơ bản từ các năm trước, trả nợ vay ngân sách tỉnh, chỉnh trang và nâng cấp thành phố khang trang xứng đáng là đô thị loại I cũng như đảm bảo tốt việc thực hiện các nhiệm vụ khác, góp phần hoàn thành nhiệm vụ của thành phố Thanh Hóa, đóng góp vào việc hoàn thành nhiệm vụ chung của tỉnh Thanh Hóa trong năm 2021.

Chi thường xuyên năm 2021 thành phố tập trung ưu tiên nguồn kinh phí cho công tác phòng chống dịch Covid-19 trên địa bàn thành phố Thanh Hóa; đồng thời đảm bảo chi đủ chế độ con người và đảm bảo phục vụ các nhiệm vụ thiết yếu của Đảng, chính quyền, đoàn thể và các hoạt động văn hoá, thể dục thể thao, các chính sách xã hội, các hoạt động sự nghiệp của thành phố; đảm bảo kinh phí thực hiện các chủ trương, Nghị quyết của Thành uỷ, HĐND và UBND thành phố.

Nguồn dự phòng ngân sách năm 2021 đã sử dụng 9.105 triệu đồng chi cho thực hiện các nhiệm vụ phát sinh của thành phố như bệnh dịch Covid 19, công tác quốc phòng, an ninh và thiên tai (*Chi tiết sử dụng theo phụ lục III kèm theo*).

### **2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân:**

#### *2.1 Tồn tại hạn chế:*

##### *a. Về thu ngân sách:*

- Mặc dù hoàn thành dự toán thu do HĐND thành phố giao nhưng so với mục tiêu đã được Ban chấp hành Đảng bộ thành phố (tăng thu 10%) thì kết quả thu NSNN chưa đạt được mục tiêu đã đề ra.

- Có 4/12 chỉ tiêu thu không đạt dự toán giao là: Tiền thu cấp quyền khai thác khoáng sản (đạt 54%); Phí, lệ phí (đạt 82,6%); Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước (đạt 86,7%) và thu tiền sử dụng đất (đạt 97,9%)... Tuy nhiên, do các khoản thu thường xuyên đều là những khoản thu chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng thu thường xuyên nên không làm ảnh hưởng lớn đến tổng thu thường xuyên cả năm của thành phố.

*b. Về chi ngân sách:*

- Do tình hình dịch bệnh Covid-19 nên một số nhiệm vụ chi không được triển khai thực hiện theo kế hoạch; một số nhiệm vụ đột xuất cho công tác phòng, chống dịch Covid-19 được một số phường, xã đã hạch toán chi sự nghiệp y tế cấp xã chưa phù hợp với quy định về phân cấp nhiệm vụ chi.

- Số chuyển nguồn ngân sách năm 2021 sang năm 2022 là tương đối cao 613.488 triệu đồng, bao gồm ngân sách thành phố 475.660 triệu đồng, ngân sách phường, xã 137.828 triệu đồng.

*2.2 Nguyên nhân:*

*a. Nguyên nhân chủ quan:*

- Việc thực hiện nhiệm vụ thu, đơn đốc thu của một số phường, xã; đội thuế các phường, xã chưa quyết liệt nên dẫn đến một số chỉ tiêu thu trên địa bàn các phường, xã còn đạt thấp như thu phí, lệ phí; thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước.

- Việc phối hợp theo dõi và tham mưu xử lý số thu tiền sử dụng đất của phòng Tài chính – Kế hoạch thành phố Thanh Hóa cũng như Chi cục Thuế khu vực khu vực thành phố Thanh Hóa – Đông Sơn còn chưa kịp thời nên dẫn đến chưa chủ động trong việc tham mưu hoàn thành chỉ tiêu thu tiền sử dụng đất trong năm.

*b. Nguyên nhân khách quan:*

- Trong năm 2021, công tác thu ngân sách đã chịu ảnh hưởng nặng nề bởi dịch Covid-19, đặc biệt là việc thực hiện giãn cách xã hội trên địa bàn thành phố; cùng với ảnh hưởng của các quy định về gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và tiền thuê đất trong năm 2021 theo Nghị định 52/2021/NĐ-CP ngày 19/4/2021 của Chính phủ đã tác động lớn đến tổng thu NSNN của thành phố.

- Việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước đầu năm của tỉnh cho thành phố Thanh Hóa từ nguồn thu của một số đơn vị, doanh nghiệp có trụ sở trên địa bàn thành phố nhưng số thu không phát sinh trên địa bàn thành phố và một số khu vực được giao đất, cho thuê đất nhưng được miễn, giảm tiền thuê đất dẫn đến việc không hoàn thành dự toán đối với các khoản thu như thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước.

- Do số tăng thu của thành phố Thanh Hóa năm 2021 và các năm trước đó cao so với dự toán tính giao nên phần được dành để thực hiện cải cách tiền lương (70% số tăng thu) là tương đối lớn. Trong khi đó, năm 2020 và năm 2021 không thực hiện chính sách tăng lương do ảnh hưởng của dịch Covid-19, vì vậy sau khi đảm bảo kinh phí thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 diễn ra trên địa bàn, nguồn cải cách tiền lương còn số dư lớn (hơn 144 tỷ đồng); bên cạnh đó, các khoản ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu cho ngân sách thành phố sau thời điểm 30/9/2021 là nhiều, các địa phương, đơn vị chưa kịp hoàn tất thủ tục để chi trong năm 2021 nên dẫn đến số chuyển nguồn ngân sách năm 2021 sang năm 2022 còn tương đối cao. Số chuyển nguồn này sẽ được tiếp tục thực hiện trong năm 2022 để chi theo đúng mục tiêu.

Ngoài ra, do ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 diễn ra trên địa bàn, đặc biệt là thời gian thực hiện giãn cách xã hội khiến cho tiến độ thực hiện và tiến độ giải ngân của một số dự án đầu tư công trên địa bàn chậm dẫn đến số dư vốn tạm ứng của các dự án sử dụng vốn đầu tư công còn nhiều. Cùng với đó, thực hiện các chỉ đạo của UBND tỉnh các tháng cuối năm về việc xử lý số thu tiền sử dụng đất trên tài khoản tạm giữ tiền sử dụng đất vào ngân sách nhà nước dẫn đến số dư kế hoạch vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất nhiều, phải chuyển nguồn sang năm 2022 và bổ sung kế hoạch đầu tư công để tổ chức thực hiện theo quy định.

#### **VI. Đề xuất, kiến nghị:**

Để tổ chức thực hiện dự toán thu, chi ngân sách đảm bảo theo quy định và đạt kết quả theo đúng kế hoạch đề ra hàng năm, UBND thành phố kính đề nghị HĐND thành phố một số nội dung như sau:

**1. Kiến nghị HĐND, UBND tỉnh chỉ đạo các đơn vị có liên quan trong việc giao dự toán thu ngân sách năm lưu ý một số nội dung sau:**

- Loại bỏ các khoản giao thu cho thành phố nhưng số thu phát sinh trên địa bàn huyện khác cũng như số thu của các dự án cho thuê đất nhưng được miễn, giảm tiền thuê đất.

- Giao thu tiền sử dụng đất hàng năm trên địa bàn thành phố để đảm bảo thành phố hoàn thành nhiệm vụ thu được tính giao và tăng 10% trở lên theo quy định tại Nghị quyết 303/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của HĐND tỉnh khóa XVIII, kỳ họp thứ 8 về một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Thanh Hóa nhằm tạo điều kiện cũng như nguồn lực để thành phố thực hiện thành công Nghị quyết 05 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về “Xây dựng và phát triển thành phố Thanh Hoá đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”.

**2. Tăng cường giám sát và chỉ đạo HĐND các phường, xã thực hiện giám sát chuyên đề về công tác thu ngân sách nhằm tăng cường trách nhiệm của các**

đơn vị, cá nhân trong công tác thu ngân sách cũng như việc hoàn thành nhiệm vụ thu ngân sách được giao.

UBND thành phố báo cáo và kính đề nghị HĐND thành phố xem xét, quyết định./.

***Nơi nhận:***

- Thường trực Thành ủy, HĐND TP;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND TP;
- Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy;
- Ủy viên BCH Đảng bộ TP;
- Đại biểu HĐND TP;
- Lưu: VT, TCKH.

**TM. UBND THÀNH PHỐ  
CHỦ TỊCH**



**Trịnh Huy Triều**

**PHỤ LỤC I**

**QUYẾT TOÁN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN, THU NSDP VÀ THU NS THÀNH PHỐ THANH HÓA NĂM 2021**

*(Đơn vị tính: đồng)*

TT	Nội dung	Dự toán		Quyết toán năm 2021	So sánh (%)	
		Tỉnh giao	HĐND thành phố giao		So với DT tỉnh giao	So với DT TP giao
<b>A</b>	<b>Tổng thu NSNN trên địa bàn</b>	<b>2.890.626.000.000</b>	<b>3.031.367.000.000</b>	<b>4.085.085.843.068</b>	<b>141,3%</b>	<b>134,8%</b>
<b>I</b>	<b>Thu NSNN theo dự toán giao</b>	<b>2.890.626.000.000</b>	<b>3.031.367.000.000</b>	<b>3.557.388.964.382</b>	<b>123,1%</b>	<b>117,4%</b>
<b>1</b>	<b>Thu NSNN theo các chỉ tiêu giao thu</b>	<b>2.586.725.000.000</b>	<b>2.727.466.000.000</b>	<b>2.823.149.247.167</b>	<b>109,1%</b>	<b>103,5%</b>
<b>1.1</b>	<b>Thành phố quản lý thu</b>	<b>2.472.091.000.000</b>	<b>2.612.832.000.000</b>	<b>2.684.177.458.228</b>	<b>108,6%</b>	<b>102,7%</b>
-	Thu từ các DNNN	2.890.000.000	2.890.000.000	3.142.000.000	108,7%	108,7%
-	Thuế CTN ngoài quốc doanh	350.000.000.000	370.000.000.000	414.314.642.478	118,4%	112,0%
-	Thuế thu nhập cá nhân	78.000.000.000	83.000.000.000	110.604.594.264	141,8%	133,3%
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	20.855.000.000	20.855.000.000	24.231.566.904	116,2%	116,2%
-	Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước	28.146.000.000	31.946.000.000	27.686.431.604	98,4%	86,7%
-	Lệ phí trước bạ	267.000.000.000	275.000.000.000	315.913.885.024	118,3%	114,9%
-	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	5.000.000.000	5.000.000.000	2.700.634.083	54,0%	54,0%
-	Phí, lệ phí	27.500.000.000	27.500.000.000	22.705.828.484	82,6%	82,6%
-	Thu khác ngân sách	15.000.000.000	15.000.000.000	17.579.057.329	117,2%	117,2%
-	Thu hoa lợi cộng sản tại xã	3.000.000.000	3.000.000.000	3.350.218.610	111,7%	111,7%
-	Thu tiền phạt	24.700.000.000	27.900.000.000	28.258.687.048	114,4%	101,3%
+	<i>Thu phạt hành chính</i>	<i>12.900.000.000</i>	<i>12.900.000.000</i>	<i>12.096.000.000</i>	<i>93,8%</i>	<i>93,8%</i>
+	<i>Thu phạt chậm nộp</i>	<i>11.800.000.000</i>	<i>15.000.000.000</i>	<i>16.162.687.048</i>	<i>137,0%</i>	<i>107,8%</i>
-	Thu tiền sử dụng đất	1.650.000.000.000	1.750.741.000.000	1.713.689.912.400	103,9%	97,9%
<b>1.2</b>	<b>Cục thể quản lý thu</b>	<b>114.634.000.000</b>	<b>114.634.000.000</b>	<b>138.971.788.939</b>	<b>121%</b>	<b>121,2%</b>
-	Phí môn bài	2.819.000.000	2.819.000.000	3.589.729.708	127%	127,3%
-	Thuế Tài nguyên	4.816.000.000	4.816.000.000	3.419.255.434	71%	71,0%
-	Tiền thuê đất	90.613.000.000	90.613.000.000	114.172.834.876	126%	126,0%
-	Cấp quyền KTKS	2.075.000.000	2.075.000.000	980.108.597	47%	47,2%

TT	Nội dung	Dự toán		Quyết toán năm 2021	So sánh (%)	
		Tỉnh giao	HĐND thành phố giao		So với DT tỉnh giao	So với DT TP giao
-	Phí BVMT đối với KTKS	811.000.000	811.000.000	938.978.783	116%	115,8%
-	Phí BVMT đối với nước thải sinh hoạt	13.500.000.000	13.500.000.000	15.870.881.541	118%	117,6%
<b>2</b>	<b>Thu bổ sung từ NS cấp trên</b>	<b>303.901.000.000</b>	<b>303.901.000.000</b>	<b>734.239.717.215</b>		
-	Thu bổ sung cân đối	303.901.000.000	303.901.000.000	395.463.272.000	130%	130,1%
-	Thu bổ sung có mục tiêu	0	0	338.776.445.215		
<b>II</b>	<b>Các khoản thu không giao DT</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>527.696.878.686</b>		
1	Thu chuyển nguồn			327.430.695.465		
2	Thu kết dư ngân sách			896.340.565		
3	Thu từ NS cấp dưới nộp lên			18.456.003.546		
4	Thu huy động đóng góp và các thu khác			11.340.867.172		
5	Các khoản do đơn vị khác thu phát sinh trên địa bàn			169.572.971.938		
<b>B</b>	<b>Thu ngân sách địa phương</b>	<b>1.477.038.000.000</b>	<b>2.403.148.000.000</b>	<b>3.155.247.716.052</b>	<b>213,6%</b>	<b>131,3%</b>
1	Các khoản thu hưởng theo phân cấp	1.173.137.000.000	2.099.247.000.000	2.090.754.639.761		
2	Thu kết dư ngân sách			896.340.565		
3	Thu chuyển nguồn năm trước sang			327.430.695.465		
4	Thu bổ sung từ NS cấp trên	303.901.000.000	303.901.000.000	734.239.717.215		
5	Thu từ NS cấp dưới nộp lên			1.926.323.046		
<b>C</b>	<b>Thu ngân sách thành phố</b>	<b>0</b>	<b>2.325.994.000.000</b>	<b>2.444.780.109.604</b>		<b>105,1%</b>
1	Các khoản thu hưởng theo phân cấp		2.022.093.000.000	1.833.532.509.744		
2	Thu kết dư ngân sách		0	895.076.313		
3	Thu chuyển nguồn năm trước sang		0	256.952.199.501		
4	Thu bổ sung từ NS cấp trên		303.901.000.000	351.474.001.000		
5	Thu từ NS cấp dưới nộp lên		0	1.926.323.046		



**PHỤ LỤC II**  
**QUYẾT TOÁN CHI NSDP VÀ CHI NSTP NĂM 2021**

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Nội dung	Chi NSDP					Chi NS thành phố		
		Dự toán tỉnh giao	Dự toán TP giao	Quyết toán	So sánh		Dự toán HĐND giao	Quyết toán	So sánh
					DT tỉnh giao	DT TP giao			
<b>A</b>	<b>Chi cân đối ngân sách</b>	<b>1.477.038.000.000</b>	<b>2.403.148.000.000</b>	<b>2.754.033.136.494</b>	<b>186,5%</b>	<b>114,6%</b>	<b>2.233.881.000.000</b>	<b>2.045.494.530.489</b>	<b>91,6%</b>
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư xây dựng cơ bản</b>	<b>398.500.000.000</b>	<b>1.267.031.000.000</b>	<b>1.050.692.975.396</b>	<b>263,7%</b>	<b>82,9%</b>	<b>1.265.445.000.000</b>	<b>672.305.280.542</b>	<b>53,1%</b>
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>1.051.026.000.000</b>	<b>1.069.545.000.000</b>	<b>1.089.851.951.875</b>	<b>103,7%</b>	<b>101,9%</b>	<b>905.153.000.000</b>	<b>897.529.051.727</b>	<b>99,2%</b>
1	Chi quốc phòng	11.024.000.000	12.638.000.000	15.960.443.300	144,8%	126,3%	11.522.000.000	14.690.102.000	127,5%
2	Chi an ninh	949.000.000	1.829.000.000	3.202.490.407	337,5%	175,1%	1.225.000.000	2.217.000.000	181,0%
3	Chi sự nghiệp GD-ĐT	461.332.000.000	461.332.000.000	445.027.103.211	96,5%	96,5%	459.292.000.000	444.156.052.001	96,7%
4	Chi sự nghiệp y tế	73.884.000.000	74.661.000.000	70.310.354.135	95,2%	94,2%	74.434.000.000	70.205.191.135	94,3%
5	Chi sự nghiệp KHCN	0	111.000.000	74.100.000		66,8%	111.000.000	74.100.000	66,8%
6	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin		11.890.000.000	9.383.521.244		78,9%	8.866.000.000	8.538.216.000	96,3%
7	Chi sự nghiệp PTTT	11.229.000.000	2.626.000.000	2.526.627.900		96,2%	2.286.000.000	2.319.641.000	101,5%
8	Chi sự nghiệp thể dục thể thao		3.103.000.000	1.712.321.390		55,2%	3.103.000.000	1.579.047.000	50,9%
9	Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội	82.402.000.000	80.693.000.000	102.089.184.040	123,9%	126,5%	75.337.000.000	93.629.170.000	124,3%
10	Chi sự nghiệp kinh tế	86.908.000.000	79.590.000.000	73.638.437.869	84,7%	92,5%	71.813.000.000	69.946.724.791	97,4%
11	Chi sự nghiệp môi trường	124.499.000.000	124.419.000.000	121.043.613.000	97,2%	97,3%	123.909.000.000	120.963.946.000	97,6%
12	Chi QLNN, Đảng, đoàn thể	183.799.000.000	201.652.000.000	239.872.965.819	130,5%	119,0%	63.255.000.000	64.282.500.800	101,6%
13	Chi khác ngân sách	15.000.000.000	15.000.000.000	5.010.789.560	33,4%	33,4%	10.000.000.000	4.927.361.000	49,3%
<b>III</b>	<b>Dự phòng TX ngân sách</b>	<b>27.512.000.000</b>	<b>19.914.000.000</b>		<b>0,0%</b>	<b>0,0%</b>	<b>16.626.000.000</b>		
<b>IV</b>	<b>Dự phòng đầu tư ngân sách</b>		<b>23.110.000.000</b>			<b>0,0%</b>	<b>23.110.000.000</b>		
<b>V</b>	<b>Chi cải cách tiền lương</b>		<b>23.548.000.000</b>			<b>0,0%</b>	<b>23.548.000.000</b>		
<b>VI</b>	<b>Chi chuyển nguồn</b>			<b>613.488.209.223</b>				<b>475.660.198.220</b>	
<b>B</b>	<b>Chi bổ sung NSPX</b>		<b>92.113.000.000</b>	<b>382.755.716.215</b>		<b>415,5%</b>	<b>92.113.000.000</b>	<b>382.755.716.215</b>	<b>415,5%</b>
1	Bổ sung cân đối		92.113.000.000	91.562.272.000		99,4%	92.113.000.000	91.562.272.000	99,4%
2	Bổ sung mục tiêu			291.193.444.215				291.193.444.215	
<b>C</b>	<b>Chi nộp ngân sách cấp trên</b>			<b>18.456.003.546</b>				<b>16.529.680.500</b>	
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.477.038.000.000</b>	<b>2.495.261.000.000</b>	<b>3.155.244.856.255</b>	<b>213,6%</b>	<b>126,4%</b>	<b>2.325.994.000.000</b>	<b>2.444.779.927.204</b>	<b>105,1%</b>

**PHỤ LỤC III**  
**CHI TIẾT SỬ DỤNG NGUỒN DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH NĂM 2021**

*Đơn vị: Đồng*

TT	Nội dung	Đơn vị được bổ sung	Số tiền	Quyết định	
				Số	Ngày
<b>I</b>	<b>Dự toán được sử dụng</b>		<b>18.398.876.000</b>		
1	Dự toán đầu năm		16.625.000.000		
2	Hoàn nguồn ngân sách khắc phục thiệt hại do bệnh Cúm gia cầm gây ra năm 2020		90.000.000	10217	14/10/2021
3	Tiết kiệm chi ngân sách		1.633.296.000	11032	02/11/2021
4	Hoàn nguồn ngân sách khắc phục thiệt hại do dịch Viêm da nổi cục ở trâu bò năm 2021		50.580.000		30/12/2021
<b>II</b>	<b>Dự toán đã sử dụng</b>		<b>9.105.840.000</b>		
1	Mua vật tư phòng chống dịch Covid -19	Trung tâm y tế TP	729.650.000	926	03/02/2021
2	Kinh phí phòng chống dịch bò nổi cục	Trung tâm dịch vụ nông nghiệp TP	215.194.000	2781	29/4/2021
3	Kinh phí hỗ trợ phường, xã phòng chống dịch phục vụ bầu cử	UBND phường, xã	444.500.000	3401	18/5/2021
4	Kinh phí mua vật tư hóa chất phòng chống dịch	Trung tâm y tế TP	627.740.000	3404	18/5/2021
5	Kinh phí hỗ trợ thiệt hại do dịch cúm gia cầm	UBND phường Quảng Thành	94.955.000	3418	18/5/2021
6	Kinh phí ANTT (đảm bảo ANTT 30/4-01/5/2021)	Ban CHQS	537.734.000	3422	18/5/2021
7	KP tổ chức hội thi nhận thức pháp luật về dân quân tự vệ	Ban CHQS	144.417.000	3422	18/5/2021
8	Kinh phí phòng chống dịch Covid 19 (chi trả cách ly)	Ban CHQS	20.262.000	3771	1/6/2021
9	Kinh phí đảm bảo ANTT bầu cử	Công an	400.000.000	33	19/5/2021
10	Kinh phí đảm bảo ANTT bầu cử	Ban CHQS	170.396.000	33	19/5/2021
11	Kinh phí chống Hạn	UBND các phường, xã	487.006.000	6276	23/7/2021
12	Kinh phí PCCCR	Phòng Kinh tế	113.200.000	6281	23/7/2021
13	Kinh phí PCCCR	UBND các phường, xã	95.200.000	6281	23/7/2021
14	Kinh phí hỗ trợ hộ dân bị ảnh hưởng bởi dịch Viêm da nổi cục	UBND phường Quảng Phú	46.080.000	8973	16/9/2021
15	Kinh phí hỗ trợ hộ dân bị ảnh hưởng bởi dịch Viêm da nổi cục	UBND xã Hoàng Đại	4.500.000	8973	16/9/2021
16	Kinh phí mua vật tư phòng chống dịch Covid -19 đợt 3	Trung tâm y tế TP	333.060.000	9475	27/9/2021

TT	Nội dung	Đơn vị được bổ sung	Số tiền	Quyết định	
				Số	Ngày
17	Kinh phí phòng chống dịch Covid 19 (Tuyên truyền covid)	Trung tâm VHTTTTDL	127.424.000	10090	11/10/2021
18	Kinh phí phòng chống dịch Covid 19 (Tuyên truyền covid)	Trung tâm VHTTTTDL	48.000.000	10571	27/10/2021
19	Kinh phí phòng chống dịch Covid 19 (Tuyên truyền covid)	Đội kiểm tra quy tắc đô thị	148.800.000	11553	12/11/2021
20	Kinh phí thực hiện phun thuốc tiêu độc, khử trùng phòng, chống dịch bệnh gia súc gia cầm tại các chợ, cơ sở giết mổ trên địa bàn thành phố Thanh Hóa	Trung tâm dịch vụ nông nghiệp TP	69.623.000	13051	27/12/2021
21	Kinh phí phòng chống dịch Covid 19 (In sổ tay tuyên truyền covid)	Phòng VH TT	215.609.000	13675	30/12/2021
22	Kinh phí hỗ trợ kinh phí tuyên truyền phòng, chống Covid-19 cho tình nguyện viên, đoàn viên thanh niên	Đoàn TNCS HCM	51.000.000	13668	30/12/2021
23	Kinh phí đảm bảo ANTT 22/12, Lễ Noel, tết dương lịch	Ban CHQS	255.830.000	13666	30/12/2021
24	Kinh phí treo băng rôn tuyên truyền Covid-19	Trung tâm VHTTTTDL	70.000.000	13686	31/12/2021
25	Kinh phí hỗ trợ tổ phòng chống dịch Covid phổ thôn	UBND các phường, xã	1.340.000.000	13896	31/12/2021
26	Chi phí cách ly 9 khung và 01 cơ sở thu dung điều trị	Ban CHQS	2.220.125.000	13899	31/12/2021
27	Kinh phí phòng chống dịch Covid 19 (Tuyên truyền covid)	Phòng VH TT	64.267.500	13901	31/12/2022
28	Kinh phí đảm bảo ANTT (phòng, chống pháo nổ)	Phòng VH TT	31.267.500	13901	31/12/2022
<b>III</b>	<b>Dự toán còn lại chưa sử dụng</b>		<b>9.293.036.000</b>		